



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị quan hệ khách hàng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	01	1	7,0	1	HP	Lê
2	000002	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	01	2	7,8	1	HP	Chấn
3	000003	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	01	3	7,0	1	Anh	Lê
4	000004	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	01	4	6,8	1	HP	Chấn
<del>5</del>	<del>000005</del>	<del>1101031361</del>	<del>Ngô Thị Lan</del>	<del>Anh</del>	<del>01/09/2005</del>	<del>QM11A</del>	<del>01</del>					HP
6	000006	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	01	5	6,5	1	Anh	HP Chấn
7	000007	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	01	6	6,3	1	HP	Chấn
8	000008	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	01	7	6,0	1	Anh	Chấn
<del>9</del>	<del>000009</del>	<del>1101030486</del>	<del>Phạm Việt</del>	<del>Anh</del>	<del>24/11/2005</del>	<del>QM11A</del>	<del>01</del>					HP
<del>10</del>	<del>000010</del>	<del>1101031155</del>	<del>Trần Đức</del>	<del>Anh</del>	<del>22/01/2005</del>	<del>QM11A</del>	<del>01</del>					Chấn
11	000011	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	01	8	7,0	1	HP	Lê
12	000012	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	01	9	5,8	1	Anh	HP Chấn
<del>13</del>	<del>000013</del>	<del>1101031157</del>	<del>Trương Thị Minh</del>	<del>Ánh</del>	<del>08/05/2005</del>	<del>QM11A</del>	<del>01</del>					HP,ĐK
14	000014	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	01	10	5,8	1	Bích	HP Chấn
15	000015	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	01	11	6,0	1	Bình	Lê
16	000016	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	01	12	5,8	1	Dương	Chấn
17	000017	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	01	13	8,0	2	Đạt	Lê
18	000018	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM11A	01	14	2,3	1	Đạt	HP Chấn
19	000019	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	01	15	8,0	1	Duyên	Lê
20	000020	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	01	16	8,3	2	HP	Chấn
21	000021	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01	17	6,0	1	Hà	Lê
22	000022	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01	18	7,3	1	Hải	Chấn
23	000023	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	01	19	5,0	1	Đào	Lê
24	000024	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	01	20	5,8	1	Hiền	Chấn
25	000025	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	01	21	4,3	1	Thu	Lê
26	000026	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	01	22	7,8	1	Hiệp	Chấn
27	000027	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	01	23	8,0	1	Hiếu	Lê
28	000028	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	01	24	6,5	1	Hoa	Chấn
29	000029	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01	25	6,8	1	Hoàng	Lê

Tổng số sinh viên dự thi: 25....

Tổng số tờ giấy thi: 27....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 10 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần N. Anh Phạm Việt Phương



26 - 53

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị quan hệ khách hàng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000030	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	01	26	6,8	01	Hồng	Chấn
2	000031	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01	27	7,8	01	Khánh	lê
3	000032	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	01	28	7,8	01	Lan	HP <sup>lưu</sup> đã nộp
4	000033	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	01	29	7,3	01	Linh	lê
5	000034	1101030596	Lê Thuý	Linh	04/09/2005	QM11A	01	30	6,5	01	Linh	Chấn
6	000035	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	01	31	5,5	01	Linh	lê
7	000036	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	01	32	7,3	01	Long	Chấn
8	000037	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	01	33	5,5	01	Ly	lê
9	000038	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	01	34	6,8	01	Mai	HP <sup>Chấn</sup>
10	000039	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	01	35	2,3	01	Mạnh	HP <sup>đã nộp</sup>
11	000040	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	01	36	7,5	01	Nga	Chấn
12	000041	1101030650	Bùi Thảo	Nguyên	09/10/2005	QM11A	01	37	7,3	01	Nguyên	lê
13	000042	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	01	38	5,3	01	Nhung	Chấn
14	000043	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	01	39	7,3	01	Oanh	lê
15	000044	1101030670	Lê Minh	Phuong	04/08/2005	QM11A	01	40	5,5	01	Phuong	Chấn
16	000045	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	01	41	6,3	01	Quân	lê
17	000046	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	01	42	6,3	01	Quỳnh	Chấn
18	000047	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	01	43	8,0	01	Thắng	lê
19	000048	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	01	44	7,3	01	Thảo	Chấn
20	000049	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	01	45	7,8	01	Thịnh	lê
21	000050	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	01	46	5,8	01	Thư	Chấn
22	000051	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	01	47	7,5	01	Thúy	lê
23	000052	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	01	48	7,0	01	Trà	Chấn
24	000053	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	01	49	5,3	01	Trang	lê
25	000054	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01	50	6,0	1	Trúc	HP <sup>Chấn</sup> đã nộp
26	000055	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	01	51	6,5	01	Tùng	lê
27	000056	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	01	52	7,8	02	Tùng	Chấn
28	000057	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	01	53	8,3	01	Yến	lê
29	000058	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	01					Vắng

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 2

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thế Loan Đàm Thị Thanh Thủy